TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯNG HÀ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày 18-5-2018
"V/v Ly hôn giữa anh T
và chị A"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Hà.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Đức Nghị
2. Bà Trần Thị Nơi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trường là thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Bà Đào Duy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 18-5-2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 247/2017/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Đình T, sinh năm 1964, (có mặt)
Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1973, (có mặt).
Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

(Chị A gặp khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi của mình do mắc bệnh động kinh mãn tính)

Người đại diện cho chị A theo chỉ định của Tòa án:

Bà Đào Thị Thu Hằng – Phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Anh Trần Đình T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị A kết hôn với nhau do đôi bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 26-02-2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, nguyên nhân do

vợ chồng tính tình không hợp nhau, và chị A mắc bệnh động kinh hạn chế khả năng nhận thức, làm chủ hành vi, vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn căng thẳng, do không khắc phục được mâu thuẫn nên vợ chồng anh đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2013 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh với chị A không còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân (viết tắt TAND) huyện Hưng Hà giải quyết cho anh được ly hôn chị A. Anh và chị A có 01 con chung là Trần Thị L, sinh ngày 22-3-2010, từ khi vợ chồng anh sống ly thân nhau, khi thì cháu Linh ở với mẹ, khi thì cháu Linh ở với bố. Nếu vợ chồng ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Về tài sản chung: Trước khi lấy chị A anh đã có một đời vợ, đất, nhà ở, chuồng trại chăn nuôi đều đã có trước khi kết hôn với chị A. Sau khi kết hôn với chị A, anh và chị A có kiến thiết được một số tài sản gồm: láng lại nền nhà bếp bằng xi măng cát; lợp lại chuồng gà, chuồng vịt (dàn tre lợp ngói proximăng); xây lại một phần bờ cao bị đổ; chở đất đôn san mương sau nhà; sân láng xi măng cát; khoảng hơn 1 vạn viên gạch đỏ tuylen Kim Trung và trồng được một số cây hòe. Các tài sản trên được làm trên diện tích đất chuyển đổi từ tiêu chuẩn ruộng cơ bản của anh và một phần diện tích anh thuê của một số cá nhân tại cánh đồng Bến, thôn Đô Kỳ, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình từ trước khi kết hôn với chị A. Toàn bộ tài sản chung của vợ chồng đã được Hội đồng định giá tài sản định giá, anh không có ý kiến gì. Vợ chồng ly hôn anh xin được sở hữu toàn bộ tài sản và thanh toán cho chị A ½ giá trị bằng tiền vì toàn bộ tài sản anh và chị A làm ra đều nằm trên tiêu chuẩn ruộng cơ bản đã chuyển đổi mục đích sử dụng của của anh và một phần anh thuê từ trước khi kết hôn với chị A. Ngoài số tài sản trên, anh và chị A còn có tài sản là tiền và một số đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, khi vợ chồng sống ly thân nhau chị A đã mang đi hết, tuy nhiên anh không có tranh chấp gì với chị A về số tài sản đó. Anh không chấp nhận thanh toán cho chị A số tiền 50.000.000 đồng mà chị A yêu cầu. Anh và chị A không vay nợ gì ai.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị và anh T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 26-02-2009 tại UBND xã Đ. Trước khi kết hôn, hai bên có thời gian tìm hiểu nhau, chị có nói với anh T về tình hình bệnh tật của chị nhưng anh T vẫn muốn kết hôn với chị. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh T nhiều lần đánh đập chị, đuổi chị, do không khắc phục được nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay, nay anh T khởi kiện xin ly hôn, chị yêu cầu anh T phải thanh toán ngay tiền nuôi con cho chị một lần và thanh toán cho chị tiền công sức của chị trong việc xây dựng, kiến thiết một số tài sản hiện anh T đang quản lý thì chị mới đồng ý ly hôn.

Chị và anh T có một con chung là Trần Thị L, sinh ngày 22-3-2010, nếu vợ chồng ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị một lần với số tiền là 100.000.000 đồng. Trong thời gian 05 năm chung sống với anh T, chị với anh T có làm được một số tài sản gồm: Mua được

03 vạn gạch; sửa sân; sửa bếp; sửa chuồng gà; lợp lại lán nuôi vịt; xây lại khoảng 20m bờ ao bị đổ; chở đất đôn san mương và trồng được khoảng 50 cây hòe. Các tài sản trên làm trên diện tích đất ruộng cơ bản đã chuyển đổi mục đích sử dụng của anh T tại cánh đồng Bến, thôn Đô Kỳ, xã Đ, huyện Hưng Hà, hiện anh T đang quản lý sử dụng. Ngoài ra vợ chồng còn nuôi cá thu nhập mỗi năm khoảng 30.000.000 đồng x 5 năm = 150.000.000 đồng, tiền do anh T quản lý; nuôi vịt 200 con/năm x 5 năm = 1.000 con; chứng vịt thu được khoảng 200 quả/năm x 5 năm = 1.000 quả và nuôi gà 200 con/năm x 5 năm = 1.000 con. Toàn bộ tiền thu nhập từ việc chăn nuôi nêu trên, cụ thể là bao nhiêu tiền chị không biết vì anh T là người quản lý toàn bộ kinh tế gia đình. Nếu vợ chồng ly hôn, chị nhường anh T sở hữu các tài sản vợ chồng đã làm được nêu ở trên, anh T phải có trách nhiệm thanh toán cho chị số tiền 50.000.000 đồng.

Người đại diện cho chị A, bà Đào Thị Thu Hằng trình bày: Chị A mắc bệnh động kinh mãn tính, hiện nay đang được hưởng trợ cấp hàng tháng dành cho người khuyết tật. Đề nghị Hội đồng xét xử khi giải quyết vụ án xem xét bảo vệ quyền lợi cho chị A theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 88 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xử: Về hôn nhân: Xử cho anh T được ly hôn chị A; về nuôi con chung: giao con chung là Trần Thị L, sinh ngày 22-3-2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con cùng anh; về chia tài sản: Giao cho anh T được sở hữa tài sản chung của anh T và chị A gồm: Láng nền nhà bếp bằng xi măng cát; lợp lại chuồng gà, chuồng vịt (dàn tre lợp ngói proximăng); 35m bờ ao xây gạch; đất đôn san mương sau nhà; sân láng xi măng cát; 13.110 viên gạch đỏ tuylen Kim Trung và 55 cây hòe có đường kính gốc từ 3cm đến 06 cm, trị giá khối tài sản đã được định giá là 30.843.715 đồng, anh T phải có trách nhiệm thanh toán cho chị A số tiền 15.421.857 đồng. Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí chia tài sản, miễn án phí chia tài sản cho chị A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà nhận định:

[2] Anh Trần Đình T khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị Nguyễn Thị A, chị A cư trú tại: Thôn Hữu Đô Kỳ, xã Đông, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

[3] Qua việc xác minh, xác định chị A mắc bệnh động kinh mãn tính từ nhỏ nên chị gặp khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, vì vậy cần phải có người đại diện cho chị A trong quá trình giải quyết vụ án. Bố mẹ chị A đều đã chết, anh, chị, em chị A hiện không có mặt tại địa phương hoặc từ chối không đại diện cho chị A trong quá trình giải quyết vụ án. Để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của chị A, căn cứ khoản 1 Điều 88 của Bộ luật Tố tụng dân sự, TAND huyện Hưng Hà đã chỉ định người đại diện cho chị A tham gi tố tụng.

[4] *Về hôn nhân*: Anh Trần Đình T và chị Nguyễn Thị A kết hôn với nhau do đôi bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại trụ sở UBND xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 26-02-2009, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Xét thấy anh T và chị A sống ly thân nhau đã lâu, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần xử cho ly hôn giữa anh T và chị A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về nuôi con chung*: Anh T và chị A có một con chung là Trần Thị L, sinh ngày 22-3-2010. Xét thấy chị A mắc bệnh động kinh mãn tính, đang được hưởng trợ cấp người khuyết tật của Nhà nước, nếu giao con chung cho chị A nuôi, chị A sẽ không bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con; cháu Linh có nguyện vọng được ở với bố, vì vậy cần giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con cùng chị là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] *Về chia tài sản*: Anh T và chị A đều trình bày thống nhất, trong thời gian chung sống đã trồng, kiến thiết, sửa chữa và mua được những tài sản gồm: Láng nền nhà bếp; lợp lại chuồng gà, chuồng vịt; xây lại một phần bờ cao bị đổ; chở đất đôn san mương sau nhà; láng sân; mua gạch đỏ tuylen Kim Trung và trồng được một số cây hòe, nhưng không thống nhất được số lượng và giá trị những tài sản nêu trên. Trên cơ sở xem xét tại chỗ, và định giá của Hội đồng định giá tài sản, đã xác định được số lượng và trị giá cụ thể như sau: Sân láng xi măng cát diện tích 30,8m^2 trị giá 2.018.308 đồng; sửa nền bếp bằng cách láng xi măng cát diện tích 5,28m^2 trị giá 152.677 đồng; lợp lại chuồng gà + chuồng vịt (dàn tre lợp proximăng) trị giá 3.167.625 đồng; xây lại bờ ao bị đổ dài 35m (tường xây 5cm) trị giá 1.706.749

đồng; đất đôn san mương sau nhà 17,28m^3 trị giá 2.227.357 đồng; 13.110 viên gạch đỏ tuylen Kim Trung trị giá 14.421.000 đồng và 55 cây hòe (đường kính gốc từ 3cm đến 6 cm) trị giá 7.150.000 đồng, tổng trị giá là **30.843.715** đồng. Các bất động sản nêu trên làm trên diện tích đất chuyển đổi từ tiêu chuẩn ruộng cơ bản của anh T và một phần diện tích anh thuê tại cánh đồng Bến, thôn Đô Kỳ, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình từ trước khi kết hôn với chị A (không có tranh chấp), các tài sản khác hiện do anh đang quản lý, vì vậy cần giao toàn bộ khối tài sản trên cho anh T sở hữu, anh T phải có trách nhiệm thanh toán ½ trị giá tài sản bằng tiền cho chị A là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Chị A trình bày vợ chồng còn có tài sản chung là những thu nhập từ việc chăn nuôi gà, vịt, cá, nhưng chị không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của chị nên không có căn cứ chấp nhận.

[8] *Về án phí*: Anh T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 771.000 đồng tiền án phí chia tài sản. Chị A là người có nhược điểm về thể chất, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí chia tài sản cho chị A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 88 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. ***Về hôn nhân***: Cho ly hôn giữa Anh Trần Đình T và chị Nguyễn Thị A.

2. ***Về nuôi con chung***: Giao con chung là Trần Thị L, sinh ngày 22-3-2010 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Chị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. ***Về chia tài sản***:

3.1. Giao cho anh T được quyền sở hữu khối tài sản gồm: Sân láng xi măng cát; nền bếp láng xi măng cát; mái chuồng gà + chuồng vịt (dàn tre lợp proximăng); 35m bờ ao xây gạch 5cm; 17,28m^3 đất đôn san mương sau nhà; 55 cây hòe (các tài sản trên làm trên diện tích đất chuyển đổi mục đích sử dụng từ ruộng cơ bản hiện đang do anh T quản lý sử dụng tại cánh đồng Bến, thôn Đô Kỳ, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình) và 13.110 viên gạch đỏ tuylen Kim Trung. Tổng trị giá khối tài sản anh T được giao sở hữu là **30.843.715** đồng. Anh T phải có trách nhiệm thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho chị A là **15.421.857** đồng (Mười lăm triệu bốn trăm hai mươi mốt nghìn tám trăm năm bảy đồng).

3.2. Bác yêu cầu của chị A về việc chị và anh T còn có tài sản chung từ việc chăn nuôi gà, vịt và cá.

4. ***Về án phí***: Anh Trần Đình T phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 771.000đồng tiền án phí chia tài sản, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004911 ngày 04-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, anh T còn phải nộp 771.000đồng.

5. Anh Trần Đình T, chị Nguyễn Thị A và người đại diện cho chị A có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- Đương sự
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THA huyện Hưng Hà;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Mạnh Hà